

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 19-01-2023  
V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Hoàng Thị Phụng.
- Ông Trương Công Định.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị L** (tức Lê Thị Kim C), sinh năm 1992;

Nơi ĐKKHKT: đường N, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện nay: Chung cư Đ, đường T, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

**- Bị đơn:** Anh **Trần Ngọc T**, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: đường N, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị L, anh T đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L (tức Lê Thị Kim C) trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 09/4/2015, tại UBND phường K, Thành phố T, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ với nhau vì những bất đồng trong cuộc sống, càng ngày cuộc sống vợ chồng càng bất hòa, không có tiếng nói chung. Đến đầu tháng 11 năm 2019 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, xét thấy không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nên vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Anh T hay nhảu tin dọa nạt, nếu đòi ly hôn anh T sẽ tạt axit và dọa giết. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự chia tài sản chung, vợ chồng không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại Văn bản trình bày ý kiến, quá trình giải quyết vụ án bị đơn, anh Trần Ngọc T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn đúng như Chị L trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận tại phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Khoảng đầu tháng 9 năm 2022, vợ chồng có cãi nhau, anh bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tổ 19 (tổ 42 cũ), phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình ở. Chị L có làm đơn xin ly hôn và bỏ đi từ đó đến nay không liên lạc với anh. Anh có tìm cách liên lạc nhưng không được. Nay Chị L có yêu cầu xin ly hôn với anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn có thể giải quyết, anh mong muốn vợ chồng có thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên anh không nhất trí ly hôn với Chị L. Anh đề nghị Tòa án hòa giải cho anh và Chị L về đoàn tụ. Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự chia tài sản chung, vợ chồng không vay chung ai tài sản gì và không cho ai vay chung tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị Anh N - mẹ đẻ anh T thể hiện:* Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình bà tại đường N, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình một thời gian rồi ra ở riêng. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn gì không bà không biết. Đến tháng 9 năm 2022 anh T có trở về nhà của bà N để sinh sống còn Chị L sống ở đâu thì bà không nắm rõ và

không có liên lạc. Về con chung: Chị L, anh T không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà không nắm rõ. Về việc Chị L xin ly hôn anh T: bà đề nghị Tòa án hòa giải cho anh T, Chị L đoàn tụ, nếu không được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Tại Biên bản xác minh ngày 23/11/2022 tại tổ x, phường K, thành phố T thể hiện:* Chị Lê Thị L và anh Trần Ngọc T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 09/4/2015 tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng bố mẹ đẻ anh T (gia đình bà N) tại đường N, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Anh chị có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Sau khi chung sống một thời gian thì hai vợ chồng chuyển ra ở riêng, ở đâu thì địa phương không nắm được. Quá trình chung sống Chị L, anh T có mâu thuẫn, nguyên nhân ra sao địa phương không nắm rõ. Nhưng đến tháng 9 năm 2022 anh T có trở về nhà của bà N để sinh sống còn Chị L thì địa phương không biết. Về con chung: Chị L, anh T không có con chung.

*\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: xử cho Chị L được ly hôn anh T. Về quan hệ con chung và tài sản: không đặt ra giải quyết. Án phí: Buộc Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Chị L và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay, anh T đã nhiều lần tìm và hòa giải cho vợ chồng nhưng không thành Chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy hôn nhân giữa Chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho Chị L được ly hôn anh T.

[3] Về quan hệ con cái: Chị L và anh T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị L và anh T đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 147, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L (tức Lê Thị Kim C) được ly hôn anh Trần Ngọc T.

2. Về án phí: Chị Lê Thị L (tức Lê Thị Kim C) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0000736 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; chị Lê Thị L (tức Lê Thị Kim C) đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L (tức Lê Thị Kim C) và anh Trần Ngọc T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (Giấy Chứng nhận kết hôn số: 42 ngày 09/4/2015);
- Chi cục THADS thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**